TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST
Ngày 18-3-2021
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Phương.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Minh Trí.
Ông Võ Quốc Quân.
- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2020/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966 (có mặt).
Cư trú tại: Khóm 8, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau
- *Bị đơn*: Ông Trần Văn N, sinh năm 1960 (vắng mặt).
Cư trú tại: Khóm 8, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 17/12/2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Văn N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1988, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian 22 năm chung sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng gần đây tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hiện đã sống ly thân 09 năm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn N.

Về nuôi con chung: Gồm có 02 người tên Trần Văn L, sinh năm 1989 và Trần Văn Tr, sinh năm 1992. Hiện các con của ông bà đã trưởng thành.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai đề ngày 17/12/2020 bị đơn ông Trần Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà C, tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1988, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, tính tình không phù hợp. Nay bà C yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về nuôi con chung: Gồm có 02 người tên Trần Văn L, sinh năm 1989 và Trần Văn Tr, sinh năm 1992. Hiện các con của ông bà đã trưởng thành.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông N yêu cầu xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án.

Tại phiên tòa bà C bảo lưu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Văn N có đơn đề nghị vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Trần Văn N.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn N tự tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống bà C và ông N có những mâu thuẫn bất hòa. Nay xét thấy đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà C yêu cầu ly hôn, ông Nđồng ý. Xét thấy việc bà C và ông N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình thì bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Gồm có 02 người tên Trần Văn L, sinh năm 1989 và Trần Văn Tr, sinh năm 1992. Hiện các con của ông bà đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[4] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng. Bà C đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006438 ngày 17/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Trần Văn N.

Căn cứ Điều 9; Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận Bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn N là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Không đặt ra xem xét.

Về chia tài sản: Không đặt ra xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng. Bà C đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006438 ngày 17/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mỹ Phương